

CHƯƠNG I

Ngọn lửa đỏ
giữa trời Tây tuyết trắng

Lần đầu đến nước Pháp

Từ Sài Gòn, sau hơn ba mươi ngày lênh đênh trên các biển Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Hồng Hải, Địa Trung Hải, Đại Tây Dương, con tàu Amiral Latouche Tréville đã cập cảng Marseille, miền Nam nước Pháp. Bác rủ một thủy thủ Việt Nam trên tàu cùng lên bờ. Marseille tấp nập tàu, thuyền lớn nhỏ, dựa lưng vào núi, thành phố đông đúc nhưng dưới những căn nhà to, lộng lẫy là những người buôn bán lẻ đường ăn mặc rách rưới, vẫn có người kéo xe, có cả người ăn xin. Bác nói với người bạn:

- Ở xứ văn minh này vẫn có cảnh này sao?
- Ồ, nhiều lắm! Nhan nhản. Nghèo nên Tây mới đến xứ mình để vơ vét.
- Ừ.
- Nhưng ở bên mình, người dân khổ hơn nhiều.
- Bị bóc lột, bị mất mọi quyền tự do thì phải khổ thôi.

Bác trầm ngâm với bao ý nghĩ của ngày đầu tiên đặt chân lên đất Pháp.

Con tàu tiếp tục chạy dọc biển nước Pháp lên phía Bắc. Ngày 15 tháng 7 năm 1911, tàu cập cảng Le Havre, cảng chính của hãng. Le Havre là một thành phố biển đẹp và yên tĩnh. Trời tháng 7 trong xanh, vài đám mây trắng vẽ những đường cong như một bức tranh

thủy mặc trên không trung. Le Havre có độ cao không hơn so với mặt nước biển nên phải có đê biển. Nước trong, nhưng không có cát, bờ biển chỉ toàn đá đen bị sóng biển nghiền vụn nát. Cả bờ biển chạy dài toàn là đá vụn và đá vụn. Thuyền trưởng Louis Édouard Michel gọi Bác vào phòng, thân mật hỏi:

- Văn Ba, anh khỏe không?
- Thưa thuyền trưởng, tôi khỏe mạnh.
- Tốt, bốn mươi ngày trên biển tôi thấy anh làm việc rất siêng năng, mới đi chuyến đầu tiên nhưng không ngại việc gì, hăng hái, nhiệt tình. Tôi rất thích tính cách thanh niên của anh. Tôi muốn hỏi anh: Anh có ý định làm thủy thủ lâu dài?
- Dạ... Trước mắt tôi xin làm thủy thủ.
- Anh định làm gì ở Pháp?
- Tôi muốn thăm nước Pháp và đi học...
- Anh còn trẻ, đi học là cần, nhưng muốn vào trường phải có giấy tờ hợp pháp. Anh muốn có được thẻ căn cước thì phải cư trú vài năm và phải có tiền.
- Dạ, nhưng lúc này với tôi trường đại học chính là cuộc sống.
- Ồ, chí lớn, tôi thích cách chọn của anh.
- Tôi sẽ làm để có tiền sống, dành thì giờ đi thư viện để học...
- Anh phải giỏi tiếng Pháp.
- Vâng, tôi cần học thêm tiếng Pháp để đọc và viết tốt.
- Tôi sẽ giúp anh.
- Cảm ơn ông. Nhưng ông giúp tôi bằng cách nào?
- Trên tàu, sau này, tôi sẽ bố trí cho anh công việc khác để anh có thời gian học. Anh nên kết bạn với một số thủy thủ người Pháp để họ giúp anh trao đổi tiếng Pháp.

– Cảm ơn ông nhiều.

– Bây giờ thế này. Tàu của chúng ta sẽ đưa lên cảng Dunkerque để kiểm tra, bảo trì, thời gian cũng mất gần hai tháng. Một số thủy thủ Pháp được nghỉ phép về thăm nhà, còn lại thì theo tàu, riêng anh, đi với tôi. Tôi đang ở với một người anh trong một biệt thự có vườn rộng. Anh sẽ ở đó dọn vườn, cắt cỏ và dành thì giờ học tiếng Pháp. Có một cô sen⁽¹⁾ giúp việc cho anh tôi, vốn là cô giáo, cô ta giúp anh được.

– Tốt quá!

Bác nhìn ông Michel với ánh mắt thay lời cảm ơn và hỏi:

– Thưa ông, ông có thể cho tôi một địa chỉ làm hộp thư lưu ở đây không? Tôi muốn gửi thư về nhà.

– Được. Anh lấy địa chỉ văn phòng hãng tàu Chargeurs Réunis của chúng ta, ở số 1 Admiral Courbet, thành phố cảng Le Havre.

– Tôi thật lòng cảm kích và cảm ơn ông.

Buổi chiều, hai người tay xách nách mang rời con tàu để đi về thành phố Sainte Adresse.

– Thành phố mang tên thánh Adresse?

– Đúng rồi.

Thuyền trưởng đưa Bác đến một biệt thự to như lâu đài, có hai tầng lầu xây theo kiến trúc Pháp thế kỉ XVIII rất lộng lẫy, nguy nga. Biệt thự nằm trên một triền đồi thoải thoải, cách biển hơn nửa cây số, có vườn rất rộng, mặt chính quay ra đón gió biển.

– Tòa nhà bên cạnh là tòa thị chính thành phố St. Adresse.

– Nhà đẹp quá, thưa ông.

(1) Mme sen aide: Người giúp việc nhà (tiếng Pháp).

– Biệt thự này anh tôi mua lại chỉ để nghỉ cuối tuần, vợ con đều ở trên Paris. Khi tàu cập bến nước Pháp, tôi thường về ở đây. Hôm nay có anh chị tôi ở đây.

Cả nhà chào đón thuyền trưởng Michel. Họ ngỡ ngàng khi thấy có một thanh niên mảnh khảnh người châu Á đi cùng.

– Đây là Văn Ba, thủy thủ người An Nam mới đi chuyến đầu tiên.

– Xin chào quý ông bà.

– Chúng tôi rất vui được anh đến nhà.

– Anh ấy sẽ ở đây hai tháng, phụ dọn vườn, cắt cỏ như các thủy thủ của những chuyến tàu trước. Và khi rảnh anh ấy muốn học thêm tiếng Pháp.

Quay về phía cô sen giúp việc, ông nói:

– Cô phụ giúp anh ấy học tiếng Pháp.

Và ông nói với Bác:

– Cô sen tên là Nalini, vốn là cô giáo, sẽ giúp anh tốt.

Nhìn cô Nalini, ông cười:

– Cô trở lại nghề giáo viên rồi đó nghe.

Cô Nalini hớn hờ gật đầu:

– Nhưng... anh ấy nói tiếng Pháp tốt mà.

– Không, thưa cô. Tôi chỉ mới học vỡ lòng tiếng Pháp, nói tốt, nhưng viết và đọc chưa tốt. – Bác trả lời.

– Tôi hiểu rồi, anh cần học nâng cao. Tôi sẽ giúp anh.

– Cảm ơn cô nhiều lắm.

Thuyền trưởng lại nói với Bác:

– Về chế độ, anh được hưởng lương thủy thủ nghỉ phép. Còn làm ở đây, chị tôi sẽ có thù lao cho anh.

– Không, thưa quý ông bà. Tôi nhận lương mà không phải làm gì dưới tàu, thì làm ở đây sao lại nhận thù lao.

– Không, – bà chủ nhà khoa tay, – các thủy thủ đi phép đều có lương. Chúng tôi sẽ trả anh một lần lương như vậy nữa. Anh đừng từ chối.

– Tôi cảm ơn quý bà. Nhưng tôi xin thưa một điều, tôi có một người bác đang ở Paris. Tôi muốn quý ông bà cho tôi đi Paris mấy ngày thăm ông ấy, rồi sẽ trở về làm công chuyện.

– Được, – thuyền trưởng Michel gật đầu, – mai anh đi đi, từ đây lên Paris gần hai trăm cây số, có tàu lửa thuận lợi lắm.

– Dạ. Cảm ơn ông bà.

Ngay chiều đó, Bác đã bắt tay vào việc cắt cỏ và dọn vườn. Cô Nalini vui vẻ phụ giúp Bác. Cô giới thiệu từng cây hoa trong vườn. Cô hỏi:

– Này, tôi hỏi anh một điều, tên anh “Văn Ba” nghĩa là gì? Ba là baba à?

– Không, Ba là Trois⁽¹⁾.

– À, Văn Trois.

Bác cười:

– Không gọi như thế được. Thế tên cô là Nalini có nghĩa là gì?

– Ủ, có nghĩa là hi vọng, là chút tia sáng hi vọng.

– Vậy tôi gọi cô là tia hi vọng nha!

– Không, phải gọi là Nalini chứ.

Như hiểu ra, cô dang hai tay:

– Tôi hiểu rồi, phải gọi anh là anh Văn... Ba.

(1) Trois (tiếng Pháp): Ba (số 3).

Cô đọc chậm rãi và nhấn mạnh.

Chỉ một buổi chiều, mọi việc đã đầu vào đó, hai phần ba sân cỏ đã cắt xong, vườn dọn sạch sẽ. Bà chủ nhà bước ra thấy đồng cỏ cắt chất cao, mọi thứ tươi tốt, liền khen:

– Đẹp lắm rồi. Anh giỏi quá. Nghỉ tay rồi mai hốt cỏ sau.

* * *

Paris giữa tháng 7 trời nóng, cái nóng đã phá tan sự tưởng tượng về Paris là lạnh, là tuyết trong Bắc. Trên tàu lửa đến Paris, Bắc lần la hỏi chuyện vị khách ngồi gần mình về cách đi đến Quận 13. Ông khách nói với Bắc:

– Quận 13 có thể vào cửa Italia của đường vòng xuyên. Ông có thể đi tàu điện ngầm đến ga Place D'Italie, rồi tìm đến đường Villa des Gobelins, nhưng nhớ phải xuống đúng ga. Lần đầu ông đến Paris, tôi khuyên ông nên đi taxi, giá đắt nhưng an toàn.

– Vâng. Cảm ơn ông.

Xuống ga xe lửa, Bắc gọi một chiếc taxi đen cũ xấu xí, người lái xe đòi 3 franc. “Chà, mất hai ngày lương rồi. Nhưng đành...” Bắc nghĩ trong đầu và quyết định lên xe chạy thẳng đến nhà số 6, đường Villa des Gobelins, địa chỉ cụ Phan Châu Trinh cho khi hai bác cháu gặp nhau ở Mỹ Tho, trước ngày cụ lên đường đi Paris.

Nhà số 6 là một căn nhà phố có lầu. Bắc bấm chuông, một người đàn ông vạm vỡ ra mở cửa.

– Ông tìm ai?

– Xin lỗi ông, tôi muốn tìm bác Phan Châu Trinh.

Người đàn ông nhìn Bắc từ đầu đến chân như dò xét rồi hỏi:

– Anh vừa bên xứ An Nam sang à?

– Vâng, thưa ông.

– Mời anh vào.

Hai người vào trong nhà, người đàn ông nói lớn:

– Bác Phan ơi, có khách từ trong xứ mình mới qua.

– Ai thế?

– Dạ, thưa bác cháu đây ạ. Tất Thành đây ạ.

Cụ Phan bước nhanh đến, và dang tay ôm chặt lấy Bắc.

– Ô, vậy là cháu đã sang đây rồi, hay quá.

Quay sang người đàn ông, cụ giới thiệu:

– Đây là Nguyễn Tất Thành, con trai cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc mà tôi đã đôi lần nói với anh. Còn đây là Luật sư Phan Văn Trường.

– Tôi hân hạnh được biết ông Trạng ạ!

– Đừng khách khí, chúng ta cùng là đồng bào xa xứ với nhau.

– Cảm ơn anh.

Nhìn thấy Phan Châu Dật – con trai cụ Phan đang ở phía giường, Bắc chào:

– Chào em Dật, em khỏe chứ?

– Dạ.

– Này, – cụ Phan Châu Trinh lên tiếng, – anh đừng gọi tôi là bác nhá, gọi thế tổn thọ. Cụ thân sinh của anh sinh năm Nhâm Tuất, còn tôi là Nhâm Thân, tôi nhỏ hơn đúng mười năm, làm sao gọi bác được.

– Dạ, cháu gọi bác là vì với cháu, bác là bậc đáng tôn kính, là bậc đáng trên, đi trước. Cháu kính bác bởi trí tuệ và lòng yêu nước, bởi chí khí can đảm, hành động của bác. Bác là lớp bác, lớp cha ạ.

– Anh nói vậy, nhưng tôi là lớp đàn em của cụ Phó bảng thân sinh của anh. Tôi thích gọi bằng chú. Còn anh Phan Văn Trường

đây là luật sư của tòa thượng thẩm Pháp, là tiến sĩ, giờ là Chủ tịch Hội Đồng bào Thân ái của người Việt mình ở Pháp. Anh ấy sinh năm Bính Tí, lớn hơn cháu 14 tuổi.

- Cháu gọi bằng chú.
- Không. Anh cứ gọi tôi bằng anh là được rồi.

Bác bắt tay Luật sư Trường rất chặt:

– Tôi hân hạnh được làm quen với anh. Xin anh cho biết tiêu chuẩn thế nào để được vào Hội?

– Tôi với anh Phan và vài anh em ở đây lập ra Hội vì thấy người Việt mình ở bên này cô đơn lắm, họp nhau lại để có đồng hương, để gặp gỡ, động viên nhau.

– Hay quá, cũng là dịp để khơi dậy lòng yêu nước. Thưa chú, thưa anh. Tôi thiết nghĩ, mọi người từ tình thương yêu, đoàn kết bên nhau sẽ tạo nên sức mạnh.

– Đúng quá, mục đích chính của tôi và Phan tiên sinh là vậy đấy anh. Chúng ta dùng sức mạnh này để làm nên việc lớn.

- Anh cho tôi được làm hội viên.
- Tất nhiên, anh phải tham gia nhóm lãnh đạo Hội chứ.

Một không khí vui vẻ, đầm ấm tràn ngập căn phòng. Bác kể lại cho hai người nghe hành trình vất lộn với sóng gió trên biển khơi. Cụ Phan nhìn Bác:

– Mới mấy tháng mà thấy cháu rắn rỏi, cứng cáp hơn nhiều. Bây giờ cháu chưa định ở Paris hay sao mà không có hành lí gì cả?

– Dạ, cháu sẽ đi tàu một thời gian để học và cũng để kiếm tiền, rồi về Paris xin hầu chú và anh ạ.

Mọi người cười vui vẻ.

Bữa cơm trưa thanh đạm có cụ Phan Châu Trinh, Luật sư Phan Văn Trường, Bác và Châu Dật. Đã lâu không ăn cơm gia đình, nay ngồi giữa Paris ăn cơm với cá kho, rau luộc cùng những người nồng nàn yêu nước, Bác nhìn trù mến cụ Phan, nói:

– Bữa cơm rau ngon quá, làm cháu nhớ nhà quá.

Sau bữa cơm, Bác ngồi riêng với cụ Phan.

– Hôm gặp nhau ở Mỹ Tho, cụ thân sinh của cháu thì muốn cháu sang đây để vào đại học, cháu tính sao?

– Ngày đó, cháu thấy chú có vẻ không ủng hộ ý này phải không?

– Đúng, vì chú thấy vào đại học phức tạp quá, một là phải có giấy tờ tùy thân, bằng cấp và phải có tiền. Cả ba cái đó đều khó, với lại... chú biết trong cháu muốn tính chuyện khác.

– Dạ, chú đi guốc trong bụng cháu rồi. Đại học của cháu là cuộc sống. Cái cháu cần học lớn nhất là nối gót các chú, tìm đường cứu nước.

– Vậy cháu tính sẽ dừng lại ở đâu trước nhất?

– Dạ, cháu sẽ tính, rồi thưa với chú sau.

* * *

Trở về thành phố nhỏ St. Adresse và ngôi biệt thự của gia đình ông thuyền trưởng, Bác tiếp tục làm vườn và học thêm tiếng Pháp. Thời gian trôi qua rất nhanh, con tàu Amiral Latouche Tréville, sau gần một tháng rưỡi kiểm tra, bảo dưỡng ở Dunkerque, đã trở về Le Havre. Bác trở lại tàu để thực hiện chuyến đi về Việt Nam. Tàu vừa rời bến, Bác vào buồng thuyền trưởng, hỏi ông:

– Thưa ông, nếu tôi gửi đơn xin Tổng thống vào học trường dành cho con em các nước thuộc địa thì có được không?

– Có thể được, anh muốn vô đó à?

– Tôi thấy vô đó có nơi ăn chốn ở và có thời gian học hành. Tôi sẽ học nhanh hơn.

– Ủ, anh thử xem sao?

Bác loay hoay rút trong túi áo lá đơn viết gởi Tổng thống Cộng hòa Pháp nhờ thuyền trưởng xem dùm. Lá đơn Bác viết bằng tiếng Pháp có nội dung: Tôi là Nguyễn Tất Thành, hiện là nhân viên của tàu Amiral Latouche Tréville thuộc hãng tàu Chargeurs Réunis của nước Pháp. Tôi xin ông với lòng nhân từ cao cả, ban cho tôi một đặc ân, giúp tôi được thu nhận vào học nội trú trường thuộc địa Pháp...⁽¹⁾.

Thuyền trưởng xem xong, cười:

– Nội dung thì được rồi, nhưng câu cú, từ ngữ chưa ổn. Trường thuộc địa phải là École coloniale mới đúng, anh để tôi sửa cho.

– Cảm ơn ông, cảm ơn thuyền trưởng kính mến!

Ngày 15 tháng 9 năm 1911, tàu cập cảng Marseille, Bác đến bưu điện gửi đơn đến Tổng thống Pháp⁽²⁾. Sau đó, con tàu lại ngược dòng vượt biển Địa Trung Hải, vào Hồng Hải... đưa Bác trở về Việt Nam. Lần này không vất vả như lần đi, một phần là sóng yên hơn, nhưng cái chính là ít hành khách nên việc nấu nướng, phục vụ cũng ít.

Bao nhiêu đêm trên biển là bấy nhiêu đêm Bác trăn trở. Trở về Sài Gòn chắc cha Bác đã đi các tỉnh, không gặp được. Nhưng còn Út Huệ, có gặp, có thăm không? Bao nhớ thương đêm đêm sục sôi trong Bác. Ngồi một mình trên boong tàu, lòng Bác đập dềnh theo từng cơn sóng.

Anh Igo, một thủy thủ người Pháp được thuyền trưởng giới thiệu vẫn giúp Bác luyện tiếng Pháp, bước đến:

– Văn Ba, có gì mà trầm tư vậy?

(1) Theo Hồ Chí Minh – Biên niên tiểu sử. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật năm 2016, trang 32.

(2) Bút tích còn lưu ở Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.

– À, không có gì anh.

– Đừng giấu tôi, tất cả hiện trên mặt anh.

– Ủ, – nhìn vào Igo, Bác gật đầu, – có, chuyện thế này. Tôi có một người bạn gái lúc chia tay hẹn “nếu trở về phải tìm gặp nhau”. Tôi phân vân không biết lần này về có nên gặp không?

– Sava (tiếng Pháp có nghĩa tốt) phải gặp chứ, vì sao không?

– Chúng tôi thương nhau, lúc xa nhau cô ấy đau khổ lắm. Giờ mà gặp lại chốc lát rồi lại xa, chỉ làm cô ấy đau khổ thêm.

– Nếu là tôi, tôi sẽ gặp dù chỉ là vài phút.

– Nhưng... như vậy chia tay lần nữa sẽ khó lắm.

Bác không nói với Igo được sự quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước của mình. Bác nhìn anh bạn Pháp im lặng vài giây rồi cả quyết:

– Để khi thành danh trở về gặp sẽ vui hơn.

Tàu cập bến Hải Phòng rồi từ Hải Phòng trở lại Sài Gòn, Bác không gặp lại Út Huệ. Sau khi kí nhận lương tháng 9, tháng này thuyền trưởng tặng cho Bác được năm đồng, tức là lên năm mươi franc⁽¹⁾. Bác lên trụ sở của hãng tàu đóng tại Sài Gòn, ngày đó ở số 2 đường Catinat (đường Đồng Khởi ngày nay). Bác viết thư gởi cho Khâm sứ Trung Kỳ xin chuyển cho cha mười lăm franc, nhờ văn phòng của hãng chuyển giùm⁽²⁾. Việc chuyển tiền hỗ trợ cha, Bác đã nghĩ từ khi nhận tháng lương đầu tiên. Gởi được tiền, Bác thấy lòng nhẹ nhõm, lâng lâng. Bác nghĩ chắc cha sẽ vui. Còn Út Huệ? Bác nén mọi yêu thương lại trở lại tàu, chịu đựng và quyết không tìm gặp khi chưa tìm được con đường cứu nước. Một ngày sau đó, tàu nhỏ neo quay về nước Pháp.

(1) Trong sổ lương của tàu A. L. Tréville còn lưu, Bác kí nhận lương tháng tại Sài Gòn ngày 16-9-1911.

(2) Hồ sơ mật thám Pháp ở Trung Kỳ ghi rõ cụ Nguyễn Sinh Huy kí nhận ngày 9-11-1911.

Trở về với mảnh vườn của biệt thự gia đình ông thuyền trưởng, Bác gặp một người Việt. Thì ra, khi Bác lên tàu trở về Sài Gòn, đã có một thủy thủ người Việt Nam khác thay Bác dọn vườn. Tuy nhiên, thuyền trưởng Michel vẫn đưa Bác về đây và giao hai người cùng làm vườn. Vào những tháng mùa đông, biệt thự nằm trên sườn đồi, nên đón tuyết rơi nhiều. Ông chủ nhà muốn mỗi sáng phải cào hết tuyết cho cỏ và hoa sống được. Có hôm, cả Michel và cô Nalini cùng ra cào tuyết, dọn cây với hai người. Một hôm, thuyền trưởng ở hăng quay trở về, hỏi:

– Có chuyến tàu chở hàng đi các nước châu Phi, cần người phụ bếp, hai anh ai muốn đi?

– Cảm ơn thuyền trưởng, ông cho tôi đi. – Bác liền trả lời ngay.

– Anh lại muốn “học một đàng” theo cách của anh chứ gì? – Thuyền trưởng cười hả hê và gật đầu. – Đồng ý. Anh thu xếp, mai đi.

Một tư liệu sau này thuật lại lời kể của Bác.

“Chiếc tàu nhỏ rời Le Havre và dừng lại ở Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Algeria, Tunisia, những cửa bể Đông châu Phi cho đến Congo. Đến đâu anh Ba⁽¹⁾ cũng để ý xem xét. Mỗi lần tàu cập bến, thế nào anh Ba cũng kiếm cách đi thăm thành phố. Khi trở về, anh có những ảnh và những hộp diêm đầy túi. Anh Ba thích thu thập những thứ ấy.

Đến Dacca, biển nổi sóng rất dữ. Tàu không thể vào bờ. Cũng không thể thả canô xuống vì sóng rất to. Để liên lạc với tàu, bọn Pháp trên bờ bắt những người da đen phải bơi ra chiếc tàu. Một, hai, ba, bốn người da đen nhảy xuống nước. Người này đến người kia, họ bị sóng bể cuốn đi.

Cảnh tượng ấy mọi người coi là thường. Nhưng điều đó làm cho anh Ba hết sức cảm động, anh khóc. Ngạc nhiên, tôi hỏi tại sao? Anh Ba buồn rầu trả lời tôi:

– Những người Pháp ở Pháp phần nhiều là tốt. Song những người Pháp thực dân rất hung ác, vô nhân đạo. Ở đâu chúng nó cũng thế. Ở ta, tôi cũng thấy chuyện như thế xảy ra ở Phan Rang. Bọn Pháp cười sặc sụa trong khi đồng bào ta chết đuối vì chúng nó. Đối với bọn thực dân, tính mạng của người thuộc địa, da vàng hay da đen cũng không đáng một xu.

Chiếc tàu của chúng tôi chở rượu ngon của Bordeaux và Algeria cho những thuộc địa khác. Tất cả mọi người trên tàu dùng rượu đó. Vì rượu rất nhiều. Tôi đã trông thấy nhiều thủy thủ say rượu suốt chuyến tàu. Chỉ cần dùng một lỗ nhỏ vào thùng rượu, ấn một ống cao su nhỏ vào đấy, hút thật mạnh và để đầu kia vào một cái chai. Và như thế tha hồ mà uống. Nhưng anh Ba không bao giờ uống rượu và khuyên tôi không nên làm như thế.

Anh Ba rất tốt với mọi người và không bao giờ cãi cọ với ai. Nhưng anh Ba hơi khác thường. Mỗi ngày, anh dậy thật sớm để xem mặt trời mọc. Và trong những đêm trăng, anh hầu như không ngủ, anh đi đi lại lại trên tàu, ngắm trời ngắm bể. Chúng tôi đậu lại ở Tenerife vào lúc hoàng hôn. Bể lặng sóng, hòn đảo giống như một cái chụp đèn khổng lồ để trên mặt bể, phía trên lóng lánh, phía dưới xanh xanh. Chỉ có thể thôi, mà anh Ba ngáy người. Anh nhắc đi nhắc lại: “Bốn, anh, nhìn kia! Đẹp quá! Hùng vĩ quá!”⁽¹⁾

(1) Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2020, trang 29-31.

Tám tháng ở Mỹ

Nước Pháp bước vào mùa đông của năm 1912. Bác vừa đi Paris thăm cụ Phan Châu Trinh và Luật sư Phan Văn Trường trở về. Bác nhớ lại câu hỏi của cụ Phan: Cháu sẽ dừng chân ở đâu?

Ở đâu? Đó là câu hỏi mà Bác luôn trăn trở. Pháp là chính quốc đô hộ Việt Nam. Anh là đế quốc hùng mạnh, là nước tư bản hiện đại. Mỹ là nơi đầy hấp dẫn với những vị tổng thống đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, thực hiện tự do, bình đẳng, đã kháng chiến giành độc lập từ đế quốc Anh... Những cái tên như George Washington, Thomas Jefferson, Abraham Lincoln có một sức thu hút lớn đối với Bác.

Biết được hãng Chargeurs Réunis sắp có chuyến tàu đi châu Mỹ, Bác xin được làm thủy thủ của chặng đi và được ở lại Mỹ học tập một thời gian. Bác quyết định đến thành phố Boston ở Đông Bắc nước Mỹ, thủ phủ của bang Massachusetts, ở đó có Trường Đại học Harvard và Viện MIT nổi tiếng, đặc biệt đây là nơi khởi nguồn cuộc kháng chiến chống đế quốc Anh giành độc lập dân tộc. Bác quyết định dừng chân ở đây để tìm hiểu, học hỏi. Những câu chuyện và những cái tên, mỗi khi nhắc đến nghe như những huyền thoại về cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, giành độc lập từ tay đế quốc, về tự do, bình đẳng. Đó là lực hút, là lí do để Bác quyết định chọn thành phố Boston của nước Mỹ làm điểm dừng chân đầu tiên.

Tháng 10 năm 1912, tàu cập bến vịnh Massachusetts. Thành phố cảng Boston, là thành phố cổ, thành phố trí thức của nước Mỹ. Boston nằm trong vịnh Massachusetts đón Bác khi mùa đông, tuyết bắt đầu rơi. Boston dù có biển nhưng vẫn rất rét. Cách bến cảng chỉ vài trăm mét, đi qua hai con phố, là khách sạn Omni Parker House – một khách sạn sang trọng ngày đó, nằm ngay bên cạnh con đường nhỏ mang tên đường Tự do (Liberty Rd). Bác đã xin và được nhận vào làm thợ bánh ở khách sạn này. Với sự thông minh, tiếp thu nhanh và sự cần mẫn, chân thành, Bác đã lấy được sự tín nhiệm của bếp trưởng. Chỉ mấy tháng sau, Bác trở thành “sếp” của tổ làm bánh. Gian bếp bánh chỉ rộng vài chục mét vuông, nền lát gạch đỏ (ở thành phố Boston, các tòa nhà sang trọng đều lát nền bằng gạch đỏ). Từ bếp bánh của khách sạn này, những người thợ đã làm ra loại bánh kem Boston Cream Pie – món tráng miệng đầy hấp dẫn và bánh mì tròn thương hiệu Parker House Roll nổi tiếng thế giới. Ngày nay, đến thăm gian bếp ở tầng hầm, cách bài trí một trăm năm trước vẫn được giữ nguyên: Một chiếc bàn đá cẩm thạch màu ngà đục từ ngày Bác làm ở đây vẫn đặt ở vị trí xưa; bàn hình chữ nhật, có tầng lửng để dụng cụ phía dưới, là nơi Bác nhồi bột, nặn bánh, chế biến để đưa vào lò nướng.

Năm 2005, Thủ tướng Phan Văn Khải khi dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta thăm Hoa Kỳ, trong đoàn có cả Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Sinh Hùng (sau này là Chủ tịch Quốc hội), cùng các bộ trưởng, thứ trưởng, đã đến thăm gian phòng nơi Bác làm thợ bánh ngày xưa. Khi khách sạn đưa đĩa bánh thơm phức lên mời, Thủ tướng đã trân trọng cầm chiếc bánh để ngửi và bẻ một miếng nhỏ cho vào miệng nhâm nhi. Thủ tướng thưởng thức hương vị bánh và nói với anh em trong đoàn: “Ăn đi, các đồng chí. Ăn để nhớ Bác mình.”

Hơn một trăm năm trôi qua, chiếc bàn bị mẻ một miếng nhỏ ở góc nhưng họ không thay, và hơn thế khách sạn còn đào tạo một người gốc Việt Nam tiếp tục làm thợ bánh bên chiếc bàn này. Điều đó thể hiện một sự trân quý đối với lịch sử, đối với Bác của chúng ta. Ở vị trí trang trọng, nơi không gian truyền thống của khách sạn có trưng bày chân dung Bác và hình của chiếc bàn bên cạnh hình các vĩ nhân thế giới đã đến ở và làm việc tại khách sạn, với dòng chữ: “Ho Chi Minh was a pastry chef in Parker’s kitchen from 1911-1913. The table that he worked on is still in the bakeshop.” (Hồ Chí Minh từng phụ trách bộ phận làm bánh nướng trong bếp của Parker từ năm 1911-1913⁽¹⁾. Chiếc bàn mà Người đã từng làm bánh hiện vẫn còn tại bếp bánh.)

Bác đã ở Boston trong vòng 8 tháng. Năm 2005, trên trang mạng của tổ chức những khách sạn quốc gia của Mỹ, tác giả Mary Billingsley có một bài về khách sạn Omni Parker House, trong đó nhắc đến thời gian Bác của chúng ta đã sống ở Boston, làm việc tại khu làm bánh của khách sạn Omni Parker House. Tác giả cho biết, thời gian đó, Bác còn đăng kí theo học ngoài giờ ở Viện MIT (Viện Công nghệ Massachusetts, sau này là Đại học MIT sánh vai cùng Trường Đại học Harvard nổi tiếng thế giới về giáo dục). Tác giả viết: Ngày ấy, người thợ làm bánh với chí tiến thủ mạnh mẽ đã đập trên tuyết giá lạnh giữa mùa đông ở thành phố cực Bắc này để ngày ngày đến trường MIT gần bờ sông Charler.

Ở Boston, ngoài việc học thêm ở MIT, Bác còn tranh thủ thời gian rảnh để đến thư viện công cộng thành phố Boston (Boston Public Library), ngày nay là thư viện thuộc loại lớn của thế giới. Tại thư viện này, Bác đã đọc, đã tìm ra những điều Bác muốn tìm. Bác khâm phục George Washington đã đứng dậy tập hợp và lãnh đạo

(1) Thực tế, Bác chỉ làm ở đây từ cuối năm 1912 đến giữa năm 1913.

nhân dân giành độc lập từ tay đế quốc xâm lược Anh. Sau khi giành được độc lập, ông đã xin về sống cuộc sống điền viên ở quê nhà. Người dân đã mời ông ra, bầu ông làm Tổng thống khai quốc. Bác ấn tượng với Tổng thống Abraham Lincoln, người đã dẹp tan nội chiến, đưa nước Mỹ vượt qua khủng hoảng và phát triển. Đặc biệt, ông đã có tuyên ngôn giải phóng nô lệ. Bác vui mừng khi được tìm hiểu về Luật sư Thomas Jefferson khi ở tuổi ba mươi đã khởi thảo nên bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Một niềm vui to lớn, thư viện đã giúp Bác có trong tay toàn văn bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ và chân dung của Jefferson với khuôn mặt hiền từ, đầy thông tuệ. Bác nhập tâm câu trong Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ: “Mọi người sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được. Trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”

Tháng 12 năm đó, Bác đã vượt ba trăm cây số để đến New York. Hồ sơ mật thám còn lưu lại một bức thư của Bác gửi Khâm sứ Trung Kỳ đề ngày 15 tháng 12 năm 1912 từ New York để hỏi về việc đã gửi cho cha là Nguyễn Sinh Huy ba ngân phiếu nhưng chỉ nhận được một lần hồi âm. Bức thư đó Bác kí tên Paul Nguyễn Tất Thành.

Ở New York, Bác cũng dành thì giờ để đi chiêm ngưỡng tượng Nữ thần Tự Do. Nữ tiến sĩ sử học Mỹ Josephine Stenson, trong bài tham luận của mình nhân kỉ niệm một trăm năm ngày sinh của Bác, khi nhắc đến chi tiết này, đã viết: “Nguyễn Tất Thành khi đến New York đã đến chiêm ngưỡng tượng Nữ thần Tự Do. Mọi chính khách sau khi đến tham quan Nữ thần Tự Do đều ghi cảm tưởng bằng những lời ca ngợi ngôi sao tỏa sáng trên vòng nguyệt quế là ánh sáng tự do... Duy chỉ có Nguyễn Tất Thành đến xem Nữ thần Tự Do, nhưng chỉ nhìn dưới chân tượng và ghi: “Ánh sáng trên đầu Nữ thần Tự Do tỏa rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng